

TRIỀU LÊ SƠ (1428-1527)

[Lê Thái Tổ \(1428-1433\)](#)
[Lê Thái Tông \(1434-1442\)](#)
[Lê Nhân Tông \(1443-1459\)](#)
[Lê Thánh Tông \(1460-1497\)](#)
[Lê Hiến Tông \(1497-1504\)](#)

[Lê Túc Tông \(1504\)](#)
[Lê Uy Mục \(1505-1509\)](#)
[Lê Tương Dực \(1510-1516\)](#)
[Lê Chiêu Tông \(1516-1522\)](#)
[Lê Cung Hoàng \(1522-1527\)](#)

Lê Thái Tổ (1428-1433)

Niên hiệu: Thuận Thiên

Ông tổ dựng nghiệp đầu tiên của họ Lê ở Lam Sơn-Thanh Hoá là Lê Hối. Vốn là một người chất phác, hiền hậu, ít nói nhưng cụ lại là người hiểu biết sâu xa “có thể đoán biết sự việc từ lúc còn chưa hình thành”. Người cha sinh ra Lê Lợi huy là Khoáng, là người có chí khí và hào hiệp, thường nuôi dưỡng tân khách, thương yêu dân chúng, chu cấp người nghèo, giúp người hoạn nạn khó khăn, vì thế cả vùng đều kính phục cụ.



Triều đình vua Lê

Lê LỢI SINH NGÀY 6 THÁNG 8 NĂM ẤT SỬ (10 tháng 9 năm 1385) là con trai thứ 3 và cũng là con út trong nhà. Ngay từ khi còn rất trẻ. Lê Lợi đã tỏ ra là người thông minh dũng lược đức độ hơn người.

Mùa xuân năm Mậu Tuất (1418), Lê Lợi cùng với những người đồng chí chính thức dựng cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn xưng là Bình Định Vương, truyền hịch đi khắp nước kêu gọi nhân dân đồng lòng đứng dưới cờ khởi nghĩa đánh giặc cứu nước với lực lượng ban đầu không quá 2000 người, “com ăn thì sớm tối không được hai bữa, áo mặc thì đông hè chỉ có một manh, khí giới thì thật tay không”, phải đối địch với một quân địch đông đảo có trang bị đầy đủ của giặc, nghĩa quân nhiều lần bị vây khốn có lúc lương cạn hàng tuần Lê Lợi phải cho giết cả voi chiến và ngựa của chính mình để nuôi quân. Bằng lối đánh “Lấy ít địch nhiều cả vây thành và diệt viện bằng những chiến thắng quyết định ở Chi Lăng-Xương Giang, căn Trại tiêu diệt hàng chục vạn viện binh giặc, cuối cùng quân đội Lam Sơn đã buộc giặc Minh trong các thành Đông Quan, Tây Đô, Cổ Lộng, Chí Linh phải đầu hàng”.

Ngày 10 tháng chạp năm Đinh Mùi (1427), tại một địa điểm ở gần thành Đông Quan, Vương Thông - Viên tướng chỉ huy đội quân xâm lược Minh đã phải tuyên thệ: xin rút hết quân về nước.

Ngày 29 tháng 12 năm đó, bại binh đó bắt đầu rút, đến ngày mùng 3 tháng 1 năm Mậu Thân (1428) những bóng dáng cuối cùng của quân Minh đã bị quét khỏi bờ cõi.

Thế là sau hai mươi năm sống dưới ách đô hộ ngoại bang, đất nước lại dành độc lập.

Do sức ép của nhà Minh và cũng là sách lược mềm dẻo của lãnh tụ Lam Sơn, trên danh nghĩa Lê Lợi, vẫn phải xin cầu phong cho con cháu họ Trần là Trần Cảo làm vua. Nhưng năm Mậu Thân (1428), Trần Cảo tự cho mình không có công gì trong cuộc giải phóng đất nước mà lại giữ ngôi vua vẫn thường ấy này không yên, bèn cưỡi thuyền ra biển, chạy vào châu Ngọc Ma (Thanh Hoá). Quân của Lê Lợi đuổi kịp dẫn trở về, cho uống thuốc độc chết, triều đình nhà Lê sai làm tang lễ rất hậu theo nghi lễ một ông vua: Ngày 15 tháng 4 năm Mậu Thân (1428) Lê Lợi chính thức lên ngôi vua tại điện Kính Thiên, thành Đông Đô (tức Hà nội), xưng là “Thuận thiên thừa vận Duệ văn Anh Vũ đại vương”, đặt tên nước là Đại Việt, đổi niên hiệu, đại xá thiên hạ, ban bài cáo Bình Ngô. Khi đó ông đã 43 tuổi. Đây là sự mở đầu một thời kỳ độc lập, lâu dài nhất trong lịch sử nước ta, để không gây sự căng thẳng với nhà Minh. Lê Lợi chưa xưng Đế mà chỉ tự xưng Vương.

Mặc dù chỉ ở ngôi ngắn ngủi được có 6 năm nhưng những việc làm của ông vua này có ý nghĩa đặt nền móng vững chắc cho cả một triều đại và nền độc lập phồn vinh của quốc gia Đại Việt. Việc làm đầu tiên của Lê Thái Tổ là ban định luật lệnh. Nhà vua ra lệnh cho các quan: Tư Không, Tư Đồ, Tư Mã, Thiếu uý, Hành hiền ban định luật lệnh trị quân dân. Nhờ cố gắng đó, hai năm sau (1430) Lê Thái Tổ đã cho ban hành những điều luật đầu tiên của triều đại mình.

Từ những đơn vị hành chính theo chế độ quận huyện của nhà Minh, nhà Lê lại chia đơn vị hành chính nước ta thành 5 đạo, đặt các chức vệ quân, tổng quản, hành khiển... ở xã đặt xã quan. Bộ máy hành chính này sẽ ngày càng được hoàn chỉnh vào các đời vua sau, nó thực sự giúp việc quản lý và điều hành đất nước.

Một đất nước sống chủ yếu bằng nông nghiệp, việc phục hồi phát triển nông nghiệp cũng được Lê Thái Tổ đặc biệt quan tâm, ngay từ năm đầu lên ngôi, ông đã cho kiểm kê hộ khẩu, làm sổ điền, sổ hộ, đặt cơ sở để tiến hành chế độ quân điền.

Để tuyển chọn nhân tài và củng cố bộ máy cai trị, nhà Lê không chỉ quan tâm đến việc cầu hiền bằng cách tiến cử mà còn đặt ra các khoa thi. Dưới thời Lê Thái Tổ đã bắt đầu mở các khoa thi để lựa chọn các nhân tài. Vua Lê Thái Tổ còn đặc biệt quan tâm đến việc bình định và củng cố miền biên cương phía Bắc và Tây Bắc. Nhà vua từng đích thân cầm quân tiến thẳng vào tận sào huyệt một lực lượng chống đối, đặt đất đó thành châu huyện và ghi vào bản đồ quốc gia.

Về mặt đối ngoại, Lê Thái Tổ nhiều lần cử các đoàn sứ bộ sang Trung Quốc để đặt mối bang giao bình thường với nhà Minh, khéo léo giải quyết những sách nhiễu của nhà Minh về việc lập con cháu nhà Trần và vấn đề tù binh chiến tranh... Ngày 22 tháng 8 năm Quý Sửu (1433) nhà vua băng ở Tẩm điện, hưởng thọ 49 tuổi. Vua Lê Thái Tổ có hai người con trai là Quận Ai Vương Tư Tề là con của Trịnh Thần Phi và Hoàng Thái tử Nguyên Long là con trai của Phạm Thị Ngọc Trần. Nhà vua truyền ngôi cho con thứ là Hoàng Thái tử Nguyên Long

Thái Tổ Phạm hoàng hậu

Bà họ Phạm, huý là Ngọc Trần, người xã Quần Lại, huyện Lôì Dương, Thanh Hoá. Bà là một trong số các bà vợ của Lê Lợi. Khi Lê Lợi mới khởi nghĩa đánh giặc Minh phải di chuyển luôn, không yên một chỗ nào, bà lặn lội theo hầu, trải qua nhiều gian khổ. Bà sinh ra Nguyên Long (vua Thái Tông sau này) vào mùa đông năm Quý Mão (1423), tức là vào năm thứ 6 của cuộc khởi nghĩa.



Hoàng Hậu nhà Lê

Lê Thái Tông (1434-1442)

Niên hiệu: Thiệu Bình (1434-1439)
Đại Bảo (1439-1442)

Lê Thái Tông tên huý là Nguyên Long, sinh ngày 20 tháng 11 năm Quý Mão (1423), là con thứ hai của Lê Thái Tổ. Lên ngôi vua ngày 8 tháng 9 năm Quý Sửu (1433), lấy niên hiệu là Thiệu Bình. Khi lên ngôi nhà vua mới 11 tuổi, nhưng không cần Mẫu hậu che rèm nghe việc mà tự mình điều hành tất cả công việc triều đình. Các nhà viết sử ai cũng nhận xét “vua tư chất sáng suốt tinh khôn; khi cầm quyền chính: trong ngăn ngừa kẻ cường thân, ngoài dẹp yên các manh động. Trọng đạo, chuông Nho, đặt khoa thi chọn kẻ sĩ, chế lễ nhạc, rõ chính hình; văn vật rực rỡ đủ cả, đáng khen là vua hiền”. Chính dưới thời vua Thái Tông, vào năm Thiệu Bình thứ 5, tổ chức thi Hương ở các đạo và năm sau tổ chức thi hội tại Kinh đô. Từ đó mở đầu ra lệ cứ ba năm một lần thi làm lệ thường. Cũng chính dưới triều vua này, vào năm Nhâm Tuất (1442) bắt đầu ra lệnh dựng bia ghi tên các tiến sĩ.

Một trong những sự kiện bi thảm nhất dưới triều Lê là cái chết đột ngột của vua Thái Tông và kéo theo nó là vụ án oan nghiệt giáng xuống Nguyễn Trãi và gia đình ông vào tháng 8 năm Nhâm Tuất (1442) mà người đời vẫn gọi là vụ án Lê Chi Viên (vụ án vườn vải).

Ngày 27 tháng 7 năm Nhâm Tuất (1442) vua đi tuần ở miền đông duyệt quan ở thành Ché Linh, Nguyễn Trãi đón vua ngự ở chùa Côn Sơn, nơi ở của Nguyễn Trãi. Ngày 4 tháng 8 vua về đến Lê Chi Viên thuộc huyện Gia Định (nay thuộc huyện Gia Lương, Bắc Ninh). Cùng đi với vua có Nguyễn Thị Lộ, một người thiếp của Nguyễn Trãi khi ấy đã vào tuổi 40 được vua Thái Tông yêu quý vì sắc đẹp, văn chương hay, luôn được vào bên cạnh vua. khi về đến Lê Chi Viên, vua thức suốt đêm với Nguyễn Thị Lộ rồi băng hà, lúc này ông mới 20 tuổi. Các quan bí mật đưa thi hài vua về, ngày 6 tháng 8 mới đến kinh sư, nửa đêm vào đến cung mới phát tang. Triều đình đã quy cho Nguyễn Thị Lộ tội giết vua. Ngày 12 tháng 8 năm đó (1442), các đại thần nhận di mệnh là Trịnh Khải, Nguyễn Xí, Lê Thụ cùng với Lê Liệt, Lê Bôi tôn Hoàng tử Bạng Cơ lên nối ngôi. Nguyễn Trãi và gia đình bị án chu di tam tộc.

Lê Thái Tông trị vì trong 9 năm, đặt niên hiệu hai lần:

Thiệu Bình (1434-1439); Đại Bảo (1440-1442)

Lê Nhân Tông (1443-1459)

Niên Hiệu: Đại Hoà (1443-1453)
Diên Ninh (1454-1459)

Khi vua Lê Thái Tông mặc dù mới có 20 tuổi, nhưng khi mất đi đã kịp để lại bốn người con trai do bốn bà vợ sinh ra: Bà Chiêu Nghi họ Dương sinh ra Lê Đức hầu Nghi Dân; Bà Thần Phi họ Nguyễn sinh ra hoàng tử Bạng Cơ (sau này là vua Nhân Tông) bà Tiệp Dư họ Ngô sinh ra Tư Thành (sau là vua Thánh Tông) và một bà vợ khác sinh ra Cung vương Khắc Xương.

Như vậy vua Lê Nhân Tông cũng không phải là con trưởng của vua Thái Tông. Ông Huý là Bang Cơ là con trai thứ 3 của Thái Tông... Mẹ là Tuyên Từ Hoàng Thái Hậu họ Nguyễn (sau này mới phong), huý anh là Anh, người làng Bồ Vệ huyện Đông Sơn (Thanh Hoá). Bang Cơ sinh ngày 9 tháng 6 năm Tân Dậu (1441) đến ngày 16 tháng 11 năm Tân Dậu (1441) được lập làm Hoàng thái tử, và ngày 12 tháng 8 năm Nhâm Tuất (1442) được lên ngôi vua đổi niên hiệu là Đại Hoà. Khi lên ngôi vua mới lên 2 tuổi, Thái hậu phải buông rèm nghe chính sự, tạm quyết đoán việc nước. May thay Thái Hậu là người tận tâm bảo hộ, tín nhiệm đại thần, theo đúng phép sẵn có trong khoảng hơn 10 năm giúp ấu chúa, trong nước bình yên. Tháng 11 năm Quý Dậu (1453), vua lên 12 tuổi có thể tự coi được chính sự. Thái hậu trả lại quyền chính cho vua rồi lui về ở cung riêng. Khi tự mình ra cho chính sự, vua đổi niên hiệu là Diên Ninh, đại xá cho thiên hạ. Người đời bấy giờ hết lời ca ngợi đức độ và tài năng của vua và Thái Hậu.

Khi Chiêm Thành hai lần lần cướp Hoá Châu thì sai tướng đem quân đi đánh, giết được vua Chiêm là Bí Cai, nước lớn sợ uy, nước nhỏ mến đức. Phàm chính sự đều noi theo phép cũ, đều có phép sẵn, sai đình thần họp bàn tất cả rồi mới thi hành; cho nên chính trị hay giáo hoá tốt, khắp ra bốn biên trăm họ đều mến đức, đời được thái bình.

Chính dưới thời vua Nhân Tông năm Quý Hợi (1455), triều đình sai Phan Phù Tiên biên soạn Đại Việt sử ký, viết tiếp quyền sử của thời Trần từ Trần Thái Tông cho đến khi người Minh về nước.

Nhưng mặc dù là một ông vua sáng và nhân từ, nhưng vì không tuân theo nguyên tắc dòng đích nên mùa Đông năm Kỷ Mão (1459), Lạng Sơn Vương Nghi Dân (là anh vua Nhân Tông) đang đêm bắc thang vào tận trong cung cấm, vua và Truyền Từ Hoàng thái hậu bị giết. Khi đó vua mới 19 tuổi, ở ngôi được 17 năm. Đặt niên hiệu hai lần.

Nghi Dân tự lập làm vua nhưng chỉ 8 tháng sau lại bị các đại thần là Nguyễn Xí, Đinh Liệt xướng nghĩa giết bọn phản nghịch giáng Nghi Dân xuống tước hầu rồi tìm lập một người con khác của Thái Tông nên làm vua, đó là vua Lê Thánh Tông.

Lê Thánh Tông (1460-1497)

Niên hiệu: Quang Thuận (1460-1469)

Hồng Đức (1470-1497)

Lê Thánh Tông là một trong những ông vua ở ngôi lâu nhất trong lịch sử các ông vua Việt Nam (38 năm). Nhưng điều đáng nhớ không phải vì ông ở ngôi lâu, (Lê Hiến Tông ở ngôi-47 năm), mà vì những đóng góp của triều vua này vào đời sống mọi mặt của quốc gia Đại Việt thời ấy.



Vua Lê Thánh Tông

Lê Thánh Tông tên tự là Tư Thành, lại có tên nữa Hạo, là con trai thứ tư và cũng là con út của vua Thái Tông, sinh ngày 20 tháng 7 năm Nhâm Tuất (1442). Mẹ là Ngô Thị Ngọc Dao, con gái của Thái Bảo Ngô Tử, một trong những công thần khai quốc của nhà Lê, người làng Đông Bảng, huyện Yên Định (Thanh Hoá).

Sống giữa chốn dân gian từ nhỏ đến năm lên 4 tuổi, mẹ Nhân Tông buông rèm nghe chính sự, mới cho đón Tư Thành về phong làm Bình Nguyên Vương, cho ở nhà Phiến để hàng ngày cùng vua Nhân Tông và các phiến vương khác học tập tại toà Kinh Diên.

Khi Nghi Dân, con cả của vua Thái Tông trước đó bị biếm truất rồi âm mưu thoán đoạt rồi giết mẹ con Bang Cơ (vua Nhân Tông) lên ngôi vua, lại phong Tư Thành làm Gia Vương và vẫn cho ở nhà Tây ở trong nội điện. Khi Nghi Dân bị lật đổ, trong triều có người bàn lập Tư Thành làm vua nhưng một viên quan là Lê Lăng can rằng: Tư Thành còn có một người anh nữa là Cung Vương Khắc Xương, không nên bỏ anh lập em, dẫm lại vết xe đổ Nghi Dân-Bang Cơ, Triều thần đến đón Cung Vương, song ông này từ chối. Khi đó họ mới rước Tư Thành lên ngôi, bấy giờ ông vừa tròn 18 tuổi.

Trị vì đất nước năm Hồng Đức thứ 27 năm Bính Thìn (1496) vua bị mệt nhưng tự giải quyết các việc quan trọng. Tháng giêng năm sau vua càng mệt nặng rồi mất.

Lê Thánh Tông thọ 56 tuổi và là một trong những ông vua có khá nhiều vợ và nhiều con: 14 người con trai và 20 người con gái. Nhìn toàn cục cuộc đời ông vua này là một cuộc đời hoạt động sôi nổi nên nhất nhiều lĩnh vực mà mặt nào cũng tỏ ra xuất sắc. Người đương thời từng nhận xét: “Vua từ trời cao siêu, anh minh quyết đoán, có hùng tài lược, võ giỏi văn hay, mà thánh học rất chăm, tay không lúc nào rời quyển sách. Các sách kinh sử, lịch toán, các việc tánh thần, cái gì cũng tinh thông, Văn thơ thì hay hơn cả các quan văn học”. Nhờ đó mà dưới thời trị vì của ông vua này, quốc gia Đại Việt đã đạt được sự phát triển rực rỡ về mọi mặt.

Lê Thánh Tông là người tha thiết với chủ quyền quốc gia. Ông đã từng có câu nói nổi tiếng: “Một thước núi, một tấc sông cũng của ta có lẽ nào tự tiện vứt bỏ đi được. Nếu người nào dám đem một thước, một tấc đất của vua Thái Tổ để làm mồi cho giặc thì người đó sẽ bị trừng trị nặng”. Chính dưới thời Lê Thánh Tông, bản đồ đầu tiên của quốc gia Đại Việt đã được hoàn thành.

Bộ máy nhà nước trung ương tập quyền dưới triều Lê Thánh Tông đã đến mức hoàn bị, từ trung ương xuống đến xã. Thế lực của đại quý tộc bị hạn chế, thay vào đó là sự tham chính của tầng lớp sĩ phu nho giáo được tuyển lựa bằng con đường thi cử.

Về lập pháp, đây cũng là thời đại đã cho ra đời bộ luật Hồng Đức nổi tiếng mang tên hiệu vua Lê Thánh Tông. Các triều đại trước: Lý, Trần đều có biên soạn luật của mình, song vì chiến tranh, loạn lạc đã bị mất hết vì thế luật Hồng Đức còn lại cho đến nay là một trong những bộ luật hoàn chỉnh và có nhiều điểm tiến bộ nhất trong lịch sử phong kiến nước ta.

Dưới triều Lê Thánh Tông, cũng là thời kỳ mà tư tưởng trọng nông và chế độ quân điền được ban bố và thi hành đầy đủ nhất. Các đời sau chỉ lấy đó làm mẫu mực.

Việc giáo dục thi cử thì dưới đời ông vua này cũng được coi là thịnh đạt nhất trong lịch sử giáo dục và khoa cử thời phong kiến Việt Nam, việc học do nhà nước tổ chức được đẩy mạnh, đồng thời việc học trong dân gian do tư nhân mở trường cũng được khuyến khích. Nhà vua cho mở rộng nhà Thái học và trường Quốc Tử Giám. Các tiến sĩ thi đỗ ngoài việc được khắc tên vào bia đá (đã được bắt đầu từ năm 1442 thời Lê Thái Tông) và được dự lễ xướng danh rất long trọng, được treo tên bằng vàng và cấp ngựa, ban áo mũ cờ biểu để vinh quy...

Bản thân vua Lê Thánh Tông cũng là một nhà văn hoá lớn: Ông là một nhà thơ lớn và là người rất chăm lo đến việc trước thuật. Trong thời ông, nhiều công trình biên soạn có tầm cỡ được tiến hành như *Đại Việt sử ký toàn thư* hoàn thành năm Kỷ Hợi (1479), *Thiên Nam dư hạ tập* một công trình có tính bách khoa lớn đầu tiên, hơn 100 bài thơ của Nguyễn Trãi cũng được sưu tầm vào thời gian này. Lê Thánh Tông là người đã giải cái oan của Nguyễn Trãi, cho tìm con cháu còn sống sót và ra lệnh sưu tầm thơ văn của Ức Trai.

Lê Thánh Tông tự lập ra hội Tao Đàn gồm 28 ông tiến sĩ giỏi thơ văn nhất nước thời đó gọi là “*Tao Đàn nhị thập bát tú*” do chính Lê Thánh Tông làm nguyên soái. Khối lượng sáng tác của Lê Thánh Tông và hội Tao Đàn rất lớn, và có vị trí rất đặc biệt.

Lê Thánh Tông không chỉ là ông vua đầy tài năng và nhiệt huyết với tất cả các thành tựu nổi bật dưới thời trị vì của ông mà tên tuổi ông không thể mờ trong lịch sử và nền văn hoá nước nhà.

Lê Thánh Tông làm vua 38 năm đặt niên hiệu hai lần.

Lê Hiến Tông (1497-1504)

Niên hiệu: Cảnh Thống

Vua Lê Hiến Tông tên húy là Tranh, lại có húy là Huy, là con trưởng của Thánh Tông, sinh ngày 10 tháng 8 năm Tân Ty (1461), mẹ là Trường Lạc Thánh Từ Hoàng thái hậu, họ Nguyễn, húy là Hằng, người ở hương Gia Mưu ngoại trang, huyện Tống Sơn (Thanh Hoá), con gái thứ hai của thái úy Trình quốc công Đức Trung.

Tranh là con cầu tự tại am Từ Công (Từ Đạo Hạnh) trên núi Phật Tích, sinh ra đã có dáng vẻ thiên tử, mũi cao, mặt rộng, vẻ người đứng đắn, đẹp đẽ khác thường, được Thánh Tông yêu quý nắm. Năm Quang Thuận thứ 3 - năm Nhâm Ngọ (1462) Tranh được lập làm Hoàng thái tử.

Vua cha ở ngôi tới 38 năm lên Thái tử ở ngôi Đông cung lâu (38 năm), vì thế khi được lên nối ngôi, ông đã ở tuổi chín chắn và từng trải (36 tuổi). Trong thời gian 7 năm cầm quyền chính, ông không có gì sáng tạo so với triều vua trước. Trước một ngôi sao sáng chói ông

vua con này chỉ là một cái bóng.

Ông là người chú trọng đặc biệt đến việc làm thủy lợi, chăm sóc bảo vệ đê điều. Mỗi xã cho đặt một xã trưởng chuyên trông coi việc nông trang, làm ruộng, trồng dâu, chăn tằm. Cũng dưới thời vua này cho phép quân đội và công tượng thay phiên nhau tháng 6, tháng 10 chia một nửa về làm ruộng. Ông cũng chú ý đến giáo dục quan lại chống thói quan liêu và tham nhũng...

Vua Lê Hiến Tông trị vì 7 năm nhưng là ông vua cuối cùng của triều Lê Sơ còn giữ được những thành tựu từ thời Thái Tổ gây dựng. Lê Hiến Tông cũng là ông vua đầu tiên của triều Lê lại có hướng trở về với đạo Phật: Ông cho xây dựng các điện Thượng Dương, Giám Tri, Đỗ Tri, Trường Sinh làm chỗ nghỉ ngơi, đọc sách và ăn chay. Tuy nhiên ông cũng không tránh khỏi được lời phê của sử thần là đã ham nữ sắc quá nhiều để đến nỗi bị bệnh nặng. Ông mất ngày 23 tháng 5 năm Giáp Tý (1504), thọ 44 tuổi. Lê Hiến Tông có 6 hoàng tử, con trưởng là An Vương Tuấn, Con thứ hai là Uy Mục Đế Tuấn, con thứ ba là Tụ Hoàng Thuần, con thứ tư là Thông Vương Dung, con thứ năm là Minh Vương Tri, và con thứ sáu là Tư Vương Dưỡng.

Lê Túc Tông (1504)

Niên hiệu: Thái Trinh

Sau 76 năm kể từ khi Lê Thái Tổ lên ngôi sáng lập triều Lê đến hết đời Lê Hiến Tông, nhà Lê trải qua một chặng đường đi lên, để lại trong lịch sử dân tộc nhiều bậc vua hiền, nhiều ông vua sáng, nhiều thành tựu rực rỡ về mọi mặt. Song từ sau đó, nhà Lê bước vào thời kỳ suy vong với những ông vua mà với thời gian không thể tẩy xóa được tiếng xấu.

Sau khi Hiến Tông qua đời, người kế vị ông là con trai thứ ba tên là Thuần năm đó vừa 17 tuổi. Đúng là Hiến Tông đã chọn được người kế vị xứng đáng. Vua Lê Túc Tông là người dốc chí ham học, thân người hiền, vui điều thiện đáng là vị vua giỏi giữ nghiệp thái bình. Mẹ là Trang Thuận Hoàng thái hậu họ Nguyễn, húy là Hoàn, người làng Bình Lăng, huyện Thiên Thi (Hưng Yên), lên ngôi ngày 6 tháng 6 năm Giáp Tý (1504), đến tháng 11 năm đó vua sai sứ thần Nguyễn Bảo Kê mang các biểu xin phong vua mới nhưng Sứ thần chưa qua khỏi cửa ải biên giới thì đã phải đổi tờ biểu khác, báo tang vua mới và xin phong cho vua tiếp theo. bởi Túc Tông đã qua đời. Túc Tông mất ngày 7 tháng 12 năm Giáp Tý (1504), làm vua được 6 tháng.

Lê Uy Mục (1505-1509)

Niên hiệu: Đoan Khánh

Túc Tông không có con nối nghiệp nên trước khi mất đã truyền ngôi lại cho người anh thứ hai của mình là Tuấn. Tuấn còn có tên húy nữa là Huyền, sinh ngày 5 tháng 5 năm Mậu Thân (1488), là con của Chiên Nhân Hoàng thái hậu họ Nguyễn, húy là Cạn, người làng Phù Chấn, huyện Đông Ngàn (nay thuộc Đông Anh Hà Nội).

Sau khi vua Túc Tông qua đời, trong triều có nhiều phái tranh ngôi báu, Thái Hoàng thái hậu (Mẹ của vua Hiến Tông, bà của Túc Tông) thì muốn lập Lê Côi Vương vì bà cho rằng Tuấn là con của kẻ tỳ thiếp không xứng đáng được nối ngôi, trong khi đó thì mẹ nuôi của Tuấn là Kính Phi (họ Nguyễn người xã Hoa Lãng, huyện Thủy Đường) và nội thần Nguyễn Như Vi muốn lập Tuấn (tức Uy Mục). ý định của Thái hoàng Thái hậu không thành, sau khi lên ngôi, Uy Mục sai giết Thái hoàng Thái hậu và một loạt đại thần đã không ủng hộ mình như Đàm Văn Lễ, Nguyễn Quang Bật...Uy Mục lấy hiệu là “Quỳnh Lâm động chủ”. Từ lúc lên ngôi Uy Mục trở thành người ham rượu chè, gái đẹp thích giết người.

Đêm nào Uy Mục cũng vào cung cùng nhân uống rượu vô độ, ai say thì giết. Quyền hành trong triều rơi vào tay họ ngoại. Phía Đông thì làng Hoa Lãng (Quê mẹ nuôi), phía Tây thì làng Phù Chấn (quê mẹ đẻ), đều chuyên cậy quyền thế, dìm hãm thần liêu, có khi vì tư ý mà giết hại sinh dân, có khi dùng ngón kín mà yêu sách tiền của: phạm súc vật hoa màu của dân gian đều cướp cả; nhà dân ai có đồ vật quý thì đều đánh dấu chữ vào để lấy. Uy Mục còn ra lệnh cho giết hết những người Chiêm bị bắt làm gia nô trong các điền trang của các thế gia, công thần.

Sự tàn bạo quá đáng của Uy Mục đã gây nên một làn sóng bất bình trong dân chúng và trong hàng ngũ quan lại, dòng dõi họ Lê. Tháng 11 năm Kỷ Tỵ (1509), được sự giúp đỡ của Nguyễn Văn Lãng (là bà con với Trường Lạc Hoàng thái hậu - người đã bị Uy Mục cho đánh thuốc độc chết), Giản tu Công Oanh giả xưng là Cầm giảng vương dựng cờ chiêu an. Từ Tây Đô, Giản Tu Công Oanh đem quân chiếm lại Đông Kinh (Hà Nội), bắt được và bắt Uy Mục tự tử tháng 12 năm Kỷ Tỵ (1509) Giản Tu Công Oanh cho người lấy súng lớn, đặt xác Uy Mục vào miệng súng, súng nổ làm tan hài cốt, chỉ lấy tro tàn đem về chôn tại quê mẹ Uy Mục là làng Phù Chấn, giáng Uy Mục xuống làm Mẫn Lệ Công. Đến năm Đinh Sửu (1517) mới được truy tôn là Uy Mục đế.

Như vậy Uy Mục đế ở ngôi 5 năm thọ 22 tuổi, sử thần triều Lê bàn rằng: “Mẫn Lệ Công tín nhiệm ngoại thích, bạo ngược vô đạo, giết hại tôn thất, tàn hại nhân dân, tự chuốc họa diệt vong, chẳng cũng đáng sao”.

Lê Tương Dực (1510-1516)

Niên hiệu: Hồng Thuận

Lê Tương Dực húy là Oánh, lại có tên nữa là Trừ, là cháu nội Lê Thánh Tông, con thứ hai của Kiến Vương Tân. Ông sinh ngày 25 tháng 6 năm Ất Mão (1455). Mẹ là Huy tử kiến Hoàng thái hậu, họ Trịnh húy là Tuyên, người làng Thủy Chủ, huyện Lôi Dương (tức Thọ Xuân, Thanh Hoá). Dưới thời vua Hiến Tông, ông được phong là Giản Tu Công. Đến khi Uy Mục đế giết hại công thần và người tôn thất, ông cũng bị bắt giam, nhưng may mắn trốn thoát chạy vào Tây Đô (Thanh Hoá). Tháng 11 năm 1509, ông cùng với Nguyễn Văn Lãng và các quần thần đem quân ra Đông Kinh giết Uy Mục rồi tự lập làm vua.

Sau khi lên ngôi tháng Giêng năm Canh Ngọ (1510), ban công những người ứng nghĩa, ông cho Nguyễn Văn Lãng làm Nghĩa Quốc công, những người khác như Nguyễn Hoàng Du, Trịnh Huy Đại và Trịnh Duy Sản cũng được phong chức tước khác nhau.

Một việc làm đáng chú ý duy nhất của vua Tương Dực là ban “Trị bình bạo phạm”, gồm 50 điều vào tháng 4 năm Tân Mùi (1514) trong đó nêu lên việc củng cố kỷ cương, giáo hoá, cẩn thận hình phạt để ngăn ngừa lòng dân, khắc phục tình trạng rối loạn mục lạt do đời Đoan Khánh gây ra. Song ngoài việc làm trên, Lê Tương Dực không thi thố thêm được việc gì cụ thể để khắc phục tình trạng đất nước ngày càng thêm hỗn loạn. Các cuộc nổi dậy của các lực lượng phong kiến địa phương ngày càng lan rộng...

Không những thế, bản thân Lê Tương Dực cũng lao vào con đường ăn chơi truy lạc. Chẳng thế mà tháng Giêng năm Quý Dậu (1513)

chánh sứ nhà Minh là Trần Nhượng Thuỷ và phó sứ là Phạm Hi Tăng sang phong cho Trương Dực làm An Nam Quốc Vương đã thấy Trương Dực mà nhận xét: “Quốc Vương An Nam mặt thì đẹp mà người lệch, tính thích đâm, la vua lộn loan vong sẽ không bao lâu!”. Quả vậy, tháng 5 năm Giáp Tuất (1514) vua nghe lời tâu của Hiệu úy Hữu Vinh, giết chết 15 vương công, cho gọi các cung nhân của Mẫn Lệ Công và triều trước vào để gian dâm. Năm Bính Tý (1516) vua cho đắp thành mấy nghìn trượng, bao vây cả điện Tường Quang, quán Trấn Vũ, chùa Thiên Hoa... Chấn ngang sông Tô Lịch ... Lại làm điện hơn trăm nóc, đóng thuyền chiến, sai bọn nữ sử cỡi trường chèo thuyền ở Hồ Tây cùng vua chơi đùa, lấy làm thích thú. Bấy giờ trước tình hình đó, các thế lực phong kiến địa phương như Trần Cảo nổi lên. Trịnh Duy Sản nhiều lần can ngăn, vua không nghe lại còn đem Sản ra đánh bằng trượng. Duy Sản bàn cùng một số quần thần khác như Lê Quang Độ, Trịnh Chí Sâm mưu việc phế lập. Tháng 4 năm Bính Tý (1516), Trịnh Duy Sản sai người đâm chết Trương Dực, đem thiêu xác. Khâm Đức Hoàng hậu cũng tự nhảy vào lửa mà chết. Quân sĩ đem quan tài về, chôn ở lăng Ngự Thiên, giáng Trương Dực xuống làm Linh ẩn vương. Như vậy Trương Dực ở ngôi được 7 năm, thọ 24 tuổi.

Lê Chiêu Tông (1516-1522)

Niên hiệu: Quang Thiệu

Vua huý là Y, lại có tên nữa là Huệ, cháu bốn đời của Lê Thánh Tông, cháu đích tôn của Kiến vương Tân, con trưởng của Cẩm giang vương Sùng, Mẹ là Hoàng hậu Trịnh Thị Loan, người xã Phi Bạo, huyện Thanh Chương (Nghệ An). Ông sinh ngày 4 tháng 10 năm Bính Dần (1506). Khi Trương Dực bị giết năm Bính Tý (1516) không có con nối, quan đại thần là Lê Nghĩa Chiêu, Trịnh Duy Sản đón lập nên làm vua, khi đó ông mới 11 tuổi. Nhưng khi đó kinh thành bị tàn phá, Trịnh Duy Sản phải rước vua vào Tây Kinh. Trần Cảo thấy kinh thành bỏ không đã chiếm lấy và tự xưng làm vua. Thấy vậy triều đình sai Trịnh Duy Sản, Nguyễn Hoàng Dụ, Trịnh Tuy... vây đánh Trần Cảo. Trần Cảo phải chạy lên đất Lạng Nguyên (Lạng Sơn). Triều đình Lê sau khi dẹp tan được loạn Trần Cảo thì nội bộ lại càng lục đục, đánh giết lẫn nhau. Anh Hoà hầu Nguyễn Hoàng Dụ và Vĩnh Hưng bá Trịnh Tuy đem quân đánh nhau liên miên. Dân chúng khổ sở cảnh loạn lạc, đầu rơi máu chảy...”Giặc bên ngoài chưa yên, các triều thần đánh lẫn nhau, giết lẫn nhau dưới của khuyếtứ, máu giầy đầy chôn kinh sư, mặt trời vàng tối, vận nước ngày một suy”.

Trước tình hình đó, Nho giáo ngày càng suy vi. Nhưng chỗ cho Phật giáo và Đạo giáo cùng các thứ mà thuật ngày càng phát triển.

Trong số các thế lực phò lập vua, mỗi người đều có những mưu đồ riêng. Càng về sau, bằng tài năng quân sự nổi bật và sự khôn khéo thâm tẩm quyền hành, Mạc Đăng Dung ngày càng trở thành một nhân vật cột trụ trong triều. Vua Lê Chiêu Tông phải tự thân hành đến phủ đệ của Mạc Đăng Dung gia phong cho ông làm Thái Phó...Quyền uy của Mạc Đăng Dung ngày một lớn, người người đều hướng về họ Mạc. Đăng Dung cho con gia nuôi vào hầu trong coi điện Kim Quang. Từ đó Đăng Dung đi bộ thì che lọng phượng dát vàng, đi thủy thì dùng thuyền rồng dây kéo, ra vào cung cấm như đi vào chỗ không người, không kiêng sợ gì...

Trước tình cảnh ấy, vua Chiêu Tông mưu ngầm với Trịnh Tuy tìm cách triệt hạ thế lực của họ Mạc. Kế hoạch bị bại lộ, vua phải bỏ chạy khỏi kinh thành Mạc Đăng Dung bèn cùng các quần thần khác lập em của Chiêu Tông tên là Xuân lên ngôi vào ngày 1 tháng 8 năm Nhâm Ngọ (1522). Chiêu Tông thì bị giáng xuống làm Đà Dương vương rồi bị giết. Như vậy Chiêu Tông ở ngôi được 7 năm, thọ 26 tuổi.

Lê Cung Hoàng (1522-1527)

Niên hiệu: Thống Nguyên

Vua mới có tên là Xuân, còn có tên nữa là Khánh, cháu bốn đời của Thánh Tông, là em cùng mẹ với Chiêu Tông, sinh ngày 26 tháng 7 năm Đinh Mão (1507). Khi Chiêu Tông chạy khỏi hoàng cung, Mạc Đăng Dung lập ông lên làm vua, lúc đó 16 tuổi. Vì sợ Chiêu Tông ở ngoài hiệu triệu binh mã về đánh nên Mạc Đăng Dung không dám đóng tại kinh thành mà đón hoàng đệ Xuân về Gia Phúc (Hải Dương) và chuyển hết của báu trong thành về đây, phong quan tiền tước cho các quan. Sau khi đánh bại các cánh quân Cần vương của Chiêu Tông, mùa xuân năm Quý Mùi (1523) Đăng Dung đưa vua Cung hoàng về đóng ở hành dinh Bồ Đề, cho các quan vào chầu. Năm đó chiếu đình vẫn cho mở khoa thi hương, thi hội ở bãi giữa sông Nhị. Tháng 7 năm đó, Đăng Dung dùng chiếu lệnh của Cung đế, phế bỏ vắng mặt Chiêu Tông xuống tước Đà Dương vương. Năm sau, Giáp Thân (1524) Đăng Dung tự mình thăng lên tước Bình Chương quân quốc trọng sự Thái phó Nhân quốc công. Tháng 10 năm Ất Dậu (1525) Đăng Dung tự làm đô tướng dẫn tất cả thủy lục quân vào đánh Thanh Hoá. Vua Chiêu Tông bị bắt đưa về kinh sư, và bị giết vào tháng 12 năm Bính Tuất (1526).

Sau sự kiện bị thảm đó, Đăng Dung rút lui về Cổ Trai nhưng trong thực tế vẫn chế ngự triều đình. Năm Đinh Hợi (1527), Đăng Dung tự thăng tước Thái sư An Hưng Vương, gia thêm cử tử. Tháng 4 năm Đinh Hợi (1527), Cung hoàng sai Trùng dương hầu Vũ Hữu, Lan Xuyên bá Phan Đình Tả và Trung sứ Đỗ Hiếu Đễ cầm cờ mao tiết mang kim sách và mũ áo ô lọng, đai ngọc, kiệu tía, quạt vẽ, tán tía đến làng Cổ Trai, huyện Nghi Dương tấn phong Mạc Đăng Dung làm An Hưng vương. Đăng Dung tiếp đón sứ bộ của nhà vua ở bên bờ An Tháp huyện Tân Minh (Tiên Lãng, Kiến An ngày nay)

Mặc dù được vua ân sủng hậu đãi và giao phó trọng trách, Mạc Đăng Dung vẫn không chịu dừng lại ở tước vương, mà vẫn kiên quyết chớp thời cơ giành ngôi đế cho họ Mạc. Ngày 15 tháng 6 năm Đinh Hợi (1527), Mạc Đăng Dung từ Cổ Trai vào kinh bắt vua phải nhường ngôi, giáng vua Lê xuống làm Cung vương, bắt giam vua cùng với Hoàng thái hậu ở cung Tây Nội, sau đó vài tháng buộc Thái hậu và Cung vương phải tự tử. Như vậy là Cung hoàng ở ngôi được đúng 5 năm, thọ 21 tuổi.

Như vậy là triều Lê kể từ Lê Thái Tổ lên ngôi (1428) đến Cung hoàng (1527) gồm 10 đời vua, cả thảy đúng 100 năm. Nếu tính cả thời gian Lê Lợi dấy quân xưng là Bình Định vương năm Mậu Tuất (1418) cộng là 110 năm. Đây là thời kỳ các vua Lê được nắm trọn quyền cai trị đất nước Các nhà sử học gọi là thời Lê sơ để phân biệt với Lê Trung Hưng về sau.